TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2023/HSST
Ngày: 10- 5- 2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ
2. Bà Phạm Tú Nhi

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Phạm Thị Trung Hiếu – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Ông Cao Tấn Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 118/2023/HSST ngày 11 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2023/QĐXXST- HS ngày 27/4/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Văn Th, sinh năm 1993; nơi ĐKNKTT: Xóm M, xã V, huyện Y, tỉnh Ngh; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lái xe cơ giới; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn B, sinh năm 1958 và bà Đào Thị Tr, sinh năm 1964; bị cáo có 04 anh em ruột (lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất là bị cáo); bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1993; bị cáo có 02 con (lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/02/2023 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

- *Bị hại:* Chị Phan Thị H, sinh năm 1977; trú tại: Số 261/15/78/11 đường Đ, phường T, thành phố Th, Thành phố H. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Trần Xuân Đ, sinh năm 1990; trú tại: Số 64/4, khu phố Tr, phường B, thành phố D, tỉnh B. Có mặt.

+ Phạm Văn T, sinh năm 1985; trú tại: Xóm M, xã V, huyện Y, tỉnh Ngh. Vắng mặt.

- *Người làm chứng*:

+ Trần Thị Qu, sinh năm 1987; vắng mặt.

+ Phan Thanh Ch, sinh năm 1989; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn Th là chủ gara sửa chữa xe cơ giới tại đường Vàm Suối, khu phố Bình Thung 2, phường Bình An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Chị Phan Thị H là bạn bè quen biết với Th. Ngày 18/10/2021, chị H đưa xe cơ giới hiệu Kobelco SK09, số khung YN – 3513, số máy 6D31- 007245 cho Th sửa chữa. Ngày 20/10/2021, Th nhắn tin cho chị H nói muốn mượn xe 3-5 ngày để cuốc đất ở thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, chị H đồng ý. Ngày 28/10/2021, Th mang xe của chị H đi cầm cho anh Trần Xuân Đ để vay số tiền 200.000.000đ. Trong giấy vay nợ có nội dung cầm xe cho anh Đ để đảm bảo việc trả nợ, Th cam kết xe trên là của Th, thời hạn vay đến ngày 28/02/2022, đến hạn không trả nợ anh Đ được quyền bán xe cho người khác. Từ sau khi cầm xe của chị H, chị H không liên lạc được với Th, chị H đến gara của Th tìm nhiều lần nhưng không gặp. Ngày 08/3/2022, chị H đi tìm xe thì phát hiện xe của chị bị Th cầm cho anh Trần Xuân Đ, chị H đến Công an phường Bình An trình báo sự việc.

Vật chứng thu giữ: 01 xe cơ giới hiệu Kobelco SK09, số khung YN – 3513, số máy 6D31- 007245; giấy vay nợ Th cầm xe cho anh Đức.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 67/BB- ĐG ngày 28/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Dĩ An kết luận: 01 xe cơ giới hiệu Kobelco SK09, số khung YN – 3513, số máy 6D31- 007245 trị giá 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng).

Theo kết luận giám định số 382/KL- HTHS (TL) ngày 27/10/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Chữ viết có nội dung "Tôi cam kết chiế xe trên là của tôi, tôi xin cam đoan trước pháp luật nếu có sự tranh chấp" và chữ ký, chữ viết họ tên "Phạm Văn Th" trên giấy vay nợ từ ngày 28/10/2021 đến ngày 28/02/2022 (ký hiệu A) so với chữ ký chữ viết của Phạm Văn Th trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1- M3) do cùng một người ký và viết ra.

Ngày 17/7/2022, cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố vụ án, ngày 08/02/2023 cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố bị can và ngày 15/02/2023 bắt bị can để tạm giam đối với Phạm Văn Th.

Qua xác minh chiếc xe 01 xe cơ giới hiệu Kobelco SK09, số khung YN – 3513, số máy 6D31- 007245 anh Bì Long T bán cho anh Phan Thanh Ch vào ngày 28/02/2019 với giá 540.000.000đ. Ngày 25/5/2020 anh Ch bán lại xe trên cho chị gái là Phan Thị H với giá 540.000.000đ. Việc mua bán có viết giấy tay. Do chiếc xe là tài sản của chị Phan Thị H nên ngày 28/6/2022, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An ra Quyết định xử lý vật chứng trả xe cho chị H.

Anh Trần Xuân Đ cho Th vay tiền có kèm theo việc cầm cố xe với số tiền 224.000.000đ (bao gồm tiền vay là 200.000.000đ, tiền lãi trả trước 4 tháng là 24.000.000đ). Sau khi anh Đ giao xe cho cơ quan điều tra, anh Phạm Văn T (anh của Th) đã trả anh Đ số tiền 50.000.000đ và không yêu cầu Th trả lại số tiền trên.

Theo bản cáo trạng số 150/CT- VKS- DA ngày 10/4/2023 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An đã truy tố bị cáo Phạm Văn Th về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo Khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Trong phần tranh luận Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung Cáo trạng, đánh giá về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 3 Điều 175; Điểm b, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Phạm Văn Th mức hình phạt từ 05 năm 03 tháng đến 05 năm 09 tháng tù. Buộc bị cáo có trách nhiệm trả số tiền nợ còn lại cho anh Đ.

Bị hại chị Phan Thị H đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu bồi thường gì khác và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Phạm Văn Th.

Tại phiên toà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Xuân Đ tiếp tục yêu cầu Th trả số tiền còn lại là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng).

Bị cáo không có ý kiến tranh luận và đề nghị Toà án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, cơ quan điều tra Công an thành phố Dĩ An, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, điều tra viên, cán bộ điều tra, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và người tham

gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về nội dung:

Tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Do bạn bè quen biết, ngày 18/10/2021 chị Phan Thị H đưa xe cơ giới hiệu Kobelco SK09, số khung YN – 3513, số máy 6D31- 007245 đến gara của Phạm Văn Th để sửa chữa. Ngày 20/10/2021, Th nhắn tin mượn xe của chị H đi cuốc đất ở Đồng Nai khoảng 3-5 ngày, sau đó Th mang xe của chị H đi thế chấp cho anh Trần Xuân Đ để vay số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), Th viết bản cam kết xe trên là của Th, thời hạn vay đến ngày 28/02/2022, đến hạn không trả nợ anh Đ được quyền bán xe cho người khác. Sau khi mang xe của chị H đi cầm, chị H không liên lạc được với Th. Theo kết quả định giá tài sản trong tố tụng hình sự, chiếc xe cơ giới hiệu Kobelco SK09 của chị H trị giá 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng).

Hành vi của bị cáo Th đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" được quy định tại Khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây mất an ninh trật tự xã hội tại địa phương. Hành vi của bị cáo thực hiện do cố ý, với mục đích muốn chiếm đoạt được tài sản của bị hại. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo Điểm b Khoản 1Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 do gia đình bị cáo đã trả cho người liên quan số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Xét thấy, số tiền 50.000.000đ do anh trai bị cáo đứng ra trả cho người liên quan nên Hội đồng

xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là phù hợp.

[4] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo là chưa phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội, vì vậy Hội đồng xét xử sẽ tuyên phạt bị cáo với mức hình phạt cao hơn.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc xe cơ giới hiệu Kobelco SK09, số khung YN – 3513, số máy 6D31- 007245 trước đấy anh Bì Long T bán cho anh Phan Thanh Ch vào ngày 28/02/2019 với giá 540.000.000đ. Ngày 25/5/2020 anh Ch bán lại xe trên cho chị gái là Phan Thị H với giá 540.000.000đ. Việc mua bán có viết giấy tay. Do chiếc xe là tài sản của chị Phan Thị H nên ngày 28/6/2022, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An ra Quyết định xử lý vật chứng trả xe cho chị H là phù hợp. Chị H không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Xuân Đ cho Phạm Văn Th vay số tiền 200.000.000đ và Th cầm số chiếc xe cơ giới của chị H. Quá trình điều tra, anh Phạm Văn T là anh trai bị cáo đã trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Xuân Đ số tiền vay 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Anh T không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Đ yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm trả số tiền nợ còn lại là 150.000.000đ, tại phiên toà bị cáo đồng ý sẽ trả anh Đ số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), do đó Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về án phí : Bị cáo phạm tội và bị kết án, nên phải nộp án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 175; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Th phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn Th 06 (sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 15/02/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Phạm Văn Th phải trả cho anh Trần Xuân Đ số tiền nợ còn lại là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí:

Bị cáo Phạm Văn Th phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự.

Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Anh Thư

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Công an TP.Dĩ An;
- VKSND TP.Dĩ An;
- Chi cục THADS TP.Dĩ An;
- Người tham gia tố tụng;
- Bị cáo;
- Lưu HS, THAHS, AV.